TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỘC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 /9/2023
V/v: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th – sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên toà.

2 - Bị đơn: Ông Lê Văn T – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2023, bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2023 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/7/1989. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Nguyên nhân do ông T ngoại tình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà Trần Thị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Văn Q – sinh ngày 10/11/1991 và Lê Văn T1 – sinh ngày 27/7/1995. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, bà Trần Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2023 và tại phiên toà bị đơn là ông Lê Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/7/1989. Vợ chồng sống với nhau đã có thời gian dài hạnh phúc, gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do ông T ngoại tình với người khác nhưng đến nay ông đã chấm dứt mối quan hệ bất chính đó, đã xin lỗi bà Th, nhờ hai bên gia đình nội ngoại góp ý, khuyên nhủ bà Th cho ông cơ hội, rút đơn xin ly hôn nhưng bà Th vẫn kiên quyết không đồng ý. Ông T vẫn yêu thương bà Th và mong muốn bà Th suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Nên ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Văn Q – sinh ngày 10/11/1991 và Lê Văn T1 – sinh ngày 27/7/1995. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2023, UBND xã P, huyện V, tỉnh T nơi bà Th, ông T cư trú cho biết: Bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/7/1989. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng bà Th, ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng

bà Th, ông T hiện nay đã sống ly thân. Bà Th, ông T có 02 con chung là anh Lê Văn Q – sinh ngày 10/11/1991 và anh Lê Văn T1 – sinh ngày 27/7/1995 đã đủ tuổi thành niên và đi làm.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Th, xử cho bà Th được ly hôn ông Lê Văn T.

-Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Th có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/7/1989. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông T đã ngoại tình với người đàn bà khác, phản bội bà Th dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện ông T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Tại phiên toà ông T đề nghị bà Th suy nghĩ lại để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà Th xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị Th được ly hôn ông Lê Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T có 02 con chung tên là: Lê Văn Q – sinh ngày 10/11/1991 và Lê Văn T1 – sinh ngày 27/7/1995. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên bà Th, ông T không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Trần Thị Th và ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Th được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004882 ngày 07/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Bà Th đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Bà Trần Thị Th, ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang